

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại học chính quy năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

- Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục đại học sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

- Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Quyết định 465/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

- Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐT ngày 24/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thương mại;

- Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 27/09/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc ban hành Quy chế Tài chính Trường Đại học Thương mại; Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐT ngày 29/9/2023 của Hội đồng trường ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tài chính Trường Đại học Thương mại;

- Căn cứ Nghị quyết số 162/NQ-HĐT ngày 08/05/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thương mại về việc thông qua chính sách học phí năm học 2025-2026;

- Căn cứ Đề nghị của Ông Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính tại Tờ trình ngày 29/04/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định mức thu học phí các chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học năm học 2025 - 2026 (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong năm học 2025 - 2026 và thay thế các văn bản về quyết định mức thu học phí trước đây liên quan đến nội dung trên.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa/Viện chuyên ngành; Trưởng các phòng Kế hoạch Tài chính, Quản lý Đào tạo, Công tác sinh viên, Truyền thông và Tuyển sinh và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *M*

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu.
- Như điều 3.
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Hoàng

PHỤ LỤC 01

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy Khóa 58 năm học 2025-2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 08 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm các nhóm ngành, chuyên ngành kinh doanh ứng dụng công nghệ số và xã hội hóa cao gồm: Quản trị Thương mại điện tử; Marketing số; Marketing thương mại; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế Quốc tế; Quản trị thương hiệu.	796.500 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm các ngành, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Tiếng Pháp thương mại; Tiếng Trung thương mại; Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công; Kiểm toán; Kinh doanh quốc tế; Quản lý kinh tế; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Quản trị hệ thống thông tin; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Tiếng Anh thương mại; Tài chính ngân hàng thương mại; Tài chính công.	712.600 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp	838.400 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao; Chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB)	1.102.300 đồng/tín chỉ
5	Các trường hợp khác	
	- Mức thu học phí đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn, chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) học cải thiện điểm, học lại (trong thời gian học đúng tiến độ chuẩn 4 năm): Thu bằng mức học phí lần thứ nhất (tùy theo chương trình đào tạo).	
	- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.	

PHỤ LỤC 02

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy Khóa 59 năm học 2025-2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 08 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm các nhóm chuyên ngành kinh doanh ứng dụng công nghệ số và xã hội hóa cao gồm: Quản trị Thương mại điện tử; Marketing số; Marketing thương mại; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế Quốc tế; Thương mại quốc tế; Quản trị thương hiệu; Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Kiểm toán; Tài chính ngân hàng thương mại; Phân tích kinh doanh trong môi trường số (ngành Kinh tế số); Tiếng Trung thương mại (ngành ngôn ngữ Trung Quốc).	907.300 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công; Quản lý kinh tế; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Quản trị hệ thống thông tin; Tiếng Anh thương mại; Tài chính công.	842.200 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) chuyên ngành: Tiếng Pháp thương mại.	813.000 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp	907.300 đồng/tín chỉ
5	Đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao; Chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICA EW CFAB)	1.138.200 đồng/tín chỉ
6	Các trường hợp khác	
	- Mức thu học phí đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn, chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICA EW CFAB) học cải thiện điểm, học lại (trong thời gian học đúng tiến độ chuẩn 4 năm): Thu bằng mức học phí lần thứ nhất (tùy theo chương trình đào tạo).	
	- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.	

PHỤ LỤC 03

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy Khóa 60 năm học 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 08 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành liên quan kinh doanh ứng dụng công nghệ số và xã hội hóa cao gồm: Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Marketing số; Marketing thương mại; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế Quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Quản trị thương hiệu; Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Quản lý kinh tế; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Công nghệ tài chính ngân hàng; Tài chính ngân hàng thương mại; Phân tích kinh doanh trong môi trường số; Tiếng Trung thương mại; Quản trị khách sạn ; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Anh thương mại.	907.300 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán công; Quản trị hệ thống thông tin; Tài chính công.	842.200 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) chuyên ngành: Tiếng Pháp thương mại.	813.000 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp	907.300 đồng/tín chỉ
5	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP)	1.252.000 đồng/tín chỉ
6	Các trường hợp khác	
	- Mức thu học phí đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn, chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) học cải thiện điểm, học lại (trong thời gian học đúng tiến độ chuẩn 4 năm): Thu bằng mức học phí lần thứ nhất (tùy theo chương trình đào tạo).	
	- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.	

PHỤ LỤC 04

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy Khóa 61 năm học 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 08 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành liên quan kinh doanh ứng dụng công nghệ số và xã hội hóa cao gồm: Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Marketing số; Marketing thương mại; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế Quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Quản trị thương hiệu; Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Quản lý kinh tế; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Công nghệ tài chính ngân hàng; Tài chính ngân hàng thương mại; Phân tích kinh doanh trong môi trường số; Tiếng Trung thương mại; Quản trị khách sạn ; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Anh thương mại.	907.300 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán công; Quản trị hệ thống thông tin; Tài chính công.	842.200 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm chuyên ngành: Tiếng Pháp thương mại.	780.400 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP)	1.252.000 đồng/tín chỉ
5	Các trường hợp khác	
	- Mức thu học phí đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn, chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) học cải thiện điểm, học lại (trong thời gian học đúng tiến độ chuẩn 4 năm): Thu bằng mức học phí lần thứ nhất (tùy theo chương trình đào tạo).	
	- Trường hợp tổ chức học riêng theo nhu cầu người học thì mức thu theo thỏa thuận giữa người học và Trường trên cơ sở bù đắp đủ chi phí.	

PHỤ LỤC 05

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy học quá thời hạn quy định của chương trình đào tạo tiến độ chuẩn (trên 4 năm đến 7 năm) năm học 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 08 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

TT	Các chương trình đào tạo	Mức học phí
1	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành liên quan kinh doanh ứng dụng công nghệ số và xã hội hóa cao gồm: Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Marketing số; Marketing thương mại; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế Quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Quản trị thương hiệu; Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Quản lý kinh tế; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Công nghệ tài chính ngân hàng; Tài chính ngân hàng thương mại; Phân tích kinh doanh trong môi trường số; Tiếng Trung thương mại; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Anh thương mại.	907.300 đồng/tín chỉ
2	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình 2) gồm các chuyên ngành: Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán công; Quản trị hệ thống thông tin; Tài chính công.	842.200 đồng/tín chỉ
3	Đại học chính quy chương trình đào tạo chuẩn (bao gồm cả chương trình đào tạo thứ hai) gồm chuyên ngành: Tiếng Pháp thương mại.	780.400 đồng/tín chỉ
4	Đại học chính quy chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù gồm các ngành: Quản trị hệ thống thông tin; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành.	907.300 đồng/tín chỉ
5	Đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao, Chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB)	1.138.200 đồng/tín chỉ

PHỤ LỤC 06

Mức thu học phí chương trình đào tạo đại học chính quy đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí năm học 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 08 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng miễn học phí (Chênh lệch giữa số tiền phải nộp và được miễn đối với đối tượng sinh viên CTĐT định hướng NN, CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB, IPOP, Tiên tiến, Song Bằng)	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 70%	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 50%
I. Chương trình đào tạo chuẩn			
1. CTĐT chuẩn Khóa 58		150.210 đồng/tín chỉ	250.350 đồng/tín chỉ
2. CTĐT chuẩn Khóa 59		155.100 đồng/tín chỉ	258.500 đồng/tín chỉ
3. CTĐT chuẩn Khóa 60, 61			
3.1. CTĐT thuộc nhóm ngành III, gồm các chuyên ngành: Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Marketing số; Marketing thương mại; Kinh doanh quốc tế; Quản trị thương hiệu; Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Công nghệ tài chính ngân hàng; Tài chính ngân hàng thương mại; Luật kinh tế; Luật thương mại quốc tế; Tiếng Pháp thương mại; Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh; Kế toán công; Quản trị hệ thống thông tin; Tài chính công.		155.100 đồng/tín chỉ	258.500 đồng/tín chỉ
3.2. CTĐT thuộc nhóm ngành V gồm chuyên ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		180.480 đồng/tín chỉ	300.800 đồng/tín chỉ
3.3. CTĐT thuộc nhóm ngành VII gồm các chuyên ngành: Kinh tế Quốc tế; Quản lý kinh tế; Tiếng Anh thương mại; Tiếng Trung thương mại; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Phân tích kinh doanh trong môi trường số;		164.850 đồng/tín chỉ	274.750 đồng/tín chỉ
II. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp			
2. Khóa 58	337.700 đồng/tín chỉ	487.910 đồng/tín chỉ	588.050 đồng/tín chỉ
3. Khóa 59	390.300 đồng/tín chỉ	545.400 đồng/tín chỉ	648.800 đồng/tín chỉ
4. Khóa 60			
4.1. CTĐT định hướng nghề nghiệp thuộc nhóm ngành III, gồm chuyên ngành: Quản trị hệ thống thông tin	390.300 đồng/tín chỉ	545.400 đồng/tín chỉ	648.800 đồng/tín chỉ

Chương trình đào tạo	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng miễn học phí (Chênh lệch giữa số tiền phải nộp và được miễn đối với đối tượng sinh viên CTĐT định hướng NN, CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB, IPOP, Tiên tiến, Song Bằng)	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 70%	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 50%
4.2. CTĐT định hướng nghề nghiệp thuộc nhóm ngành VII, gồm các chuyên ngành: Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	357.800 đồng/tín chỉ	522.650 đồng/tín chỉ	632.550 đồng/tín chỉ
III. Các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB), định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP)			
1. CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB Khóa 58	601.600 đồng/tín chỉ	751.810 đồng/tín chỉ	851.950 đồng/tín chỉ
2. CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB Khóa 59	621.200 đồng/tín chỉ	776.300 đồng/tín chỉ	879.700 đồng/tín chỉ
3. CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) Khóa 60, 61 thuộc các nhóm chuyên ngành sau:			
3.1. CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) Khóa 60 thuộc các nhóm chuyên ngành sau:			
3.1.1. CTĐT thuộc nhóm ngành III, gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing thương mại; Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB; Thương mại quốc tế; Tài chính ngân hàng thương mại; Quản trị nhân lực doanh nghiệp;	735.000 đồng/tín chỉ	890.100 đồng/tín chỉ	993.500 đồng/tín chỉ
3.1.2. CTĐT thuộc nhóm ngành V, chuyên ngành: Logistics và xuất nhập khẩu	650.400 đồng/tín chỉ	830.880 đồng/tín chỉ	951.200 đồng/tín chỉ
3.1.3. CTĐT thuộc nhóm ngành VII, chuyên ngành: Quản trị khách sạn.	702.500 đồng/tín chỉ	867.350 đồng/tín chỉ	977.250 đồng/tín chỉ
3.2. CTĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (IPOP) Khóa 61 thuộc các nhóm chuyên ngành sau:			
3.2.1. CTĐT thuộc nhóm ngành III, gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Marketing thương mại; Quản trị thương hiệu; Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Thương mại quốc tế; Tài chính ngân hàng thương mại; Thương mại điện tử; Quản trị hệ thống thông tin; Luật kinh doanh; Quản trị nhân lực doanh nghiệp;	735.000 đồng/tín chỉ	890.100 đồng/tín chỉ	993.500 đồng/tín chỉ
3.2.2. CTĐT thuộc nhóm ngành V, chuyên ngành: Logistics và xuất nhập khẩu	650.400 đồng/tín chỉ	830.880 đồng/tín chỉ	951.200 đồng/tín chỉ
3.2.3. CTĐT thuộc nhóm ngành VII, chuyên ngành: Quản trị khách sạn; Kinh tế và Quản lý đầu tư; Tiếng Trung thương mại.	702.500 đồng/tín chỉ	867.350 đồng/tín chỉ	977.250 đồng/tín chỉ

Chương trình đào tạo	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng miễn học phí (Chênh lệch giữa số tiền phải nộp và được miễn đối với đối tượng sinh viên CTĐT định hướng NN, CTĐT chất lượng cao, ICAEW CFAB, IPOP, Tiên tiến, Song Bằng)	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 70%	Mức học phí phải nộp đối với đối tượng giảm 50%
IV. Các chương trình đào tạo Tiên tiến, Song bằng			
1. CTĐT Tiên tiến	775.600 đồng/tín chỉ	930.700 đồng/tín chỉ	1.034.100 đồng/tín chỉ
2. CTĐT Song bằng			
2.1. CTĐT Song bằng ngành Marketing	844.200 đồng/tín chỉ	999.300 đồng/tín chỉ	1.102.700 đồng/tín chỉ
2.2. CTĐT Song bằng ngành Quản trị kinh doanh	802.800 đồng/tín chỉ	957.900 đồng/tín chỉ	1.061.300 đồng/tín chỉ